FrieslandCampina nin
nourishing by nature

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phuc
Independence – Freedom – Happiness

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
PRODUCT SELF-DECLARATION
Số: 0022/FCV/2022

I/ Thông tin tổ chức / *Organization information:*

Tên tổ chức: Công ty TNHH FrieslandCampina Việt Nam

Name of organization: *FrieslandCampina Vietnam Company Limited*

Địa chỉ: Khu Phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Address: Binh Duc 1 Zone, Binh Hoa Commune, Thuan An City, Binh Duong Province, Vietnam
Điện thoại/ Tel: 02743754422 Fax: 02743754726

Mã số doanh nghiệp/ *Business code:* 3700229344

Số Giấy chứng nhận Hệ thống an toàn thực phẩm - FSSC 22000 / *Food safety system certification – FSSC 22000.*

Ngày cấp/ *Issue*: 26/07/2021 Nơi cấp/ *Issue by*: British Standards Institution

II/ Thông tin sản phẩm/ *Product Information*:

1. Tên sản phẩm / *Product Name:*

- Tên tiếng Việt: Sản phẩm dinh dưỡng Friso Gold Pro 4 dành cho trẻ từ 3-6 tuổi.
- *Tên tiếng Anh: Friso Gold Pro 4 - Growing-up formula from 3-6 years old*

Sản phẩm trên thuộc nhóm Thực phẩm bổ sung/ *Product is complementary food*

2. Thành phần cấu tạo / Ingredients:

Sữa gầy, sữa nguyên kem, xirô glucose, dầu thực vật (dầu cọ, dầu hạt cải, dầu hạt cọ, dầu hướng dương), galacto – oligosaccharides (GOS), lactose, 2'-Fucosyllactose (2'-FL), chất nhũ hóa dùng trong thực phẩm (322(i)), dầu cá, vitamin C, taurin, sắt sunphat, dầu đơn bào, kẽm sunphat, dinatri uridin-5'-monophotphat, axít cytidin-5'-monophotphoric, vitamin E, Probiotics (Bifidobacterium animalis subsp. lactis HN019 ([1])), dinatri inosin-5'-

monophotphat, axít adenosin-5'-monophotphoric, niacin, mangan sunphat, chất chống ôxi hóa dùng trong thực phẩm (304), đồng sunphat, dinatri guanosin-5'- monophotphat, canxi D-pantothenat, vitamin B1, vitamin A, vitamin B6, axít folic, vitamin K1, vitamin D3.
([1]) chứa $1x10^8$ CFU/100g tại thời điểm đóng gói.

Sản phẩm có chứa thành phần từ đậu nành, dầu cá, sữa và đường sữa lactose.

3. Thời hạn sử dụng (HSD) / *Usage time:* 24 tháng kể từ ngày sản xuất/*24 months from the production date*

NGÀY SẢN XUẤT (Năm-Tháng-Ngày): xem "PROD. DATE" ở đáy lon
HẠN SỬ DỤNG TỐT NHẤT (Năm-Tháng-Ngày): Xem " BEST BEFORE" ở đáy lon

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì / *Packaging specification and material:*

- Quy cách đóng gói: lon thiếc
  Khối lượng tịnh / *Net weight: 800g.*

- Chất liệu bao bì: Lon được làm bằng thiếc / *Can made from tinplate.*

  Bao bì đạt tiêu chuẩn dùng trong thực phẩm/ *Packaging is suitable for foodstuff.*

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm / Name and Address of Manufacture:

Sản xuất tại: / Manufacturing at:

FrieslandCampina Domo B.V
De Perk 30, 9411 PZ Beilen, Hà Lan

FrieslandCampina Domo B.V
De Perk 30, 9411 PZ Beilen, The Netherlands

Chịu trách nhiệm về hàng hóa:

Công ty TNHH FrieslandCampina Việt Nam

Khu phố Bình Đức 1, P. Bình Hòa, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

FrieslandCampina Vietnam Company Limited

Binh Duc 1 Quarter, Binh Hoa Commune, Thuan An City, Binh Duong Province

III/ Mẫu nhãn sản phẩm / *Product Label:*

Xem nội dung nhãn sản phẩm đính kèm / *Please see product label attached.*

IV/ Yêu cầu về an toàn thực phẩm / *Food Safety Requirement:*

Sản phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo / *Product meets with food safety requirements accoding to:*

1. QCVN 8-1:2011/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm / *QCVN 8-1:2011/BYT - National Technical Regulation on the limits of mycotoxin contamination in food.*

2. QCVN 8-2:2011/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm / *QCVN 8-2:2011/BYT - National Technical Regulation on the limits of heavy metals contaminants in food*

3. QCVN 8-3:2012/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm / *QCVN 8-3:2012/BYT - National Technical Regulation of Microbiological contaminants in food*

4. Quyết định số 38/2008/QĐ-BYT ngày 11/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành "Quy định giới hạn tối đa của melamin nhiễm chéo trong thực phẩm"/ *Decision No. 38/2008/QD-BYT of the Minister of Health on the limits of cross contaminated melamine in food*

5. Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật và thuốc thú y: Phù hợp với thông tư số 50/2016/TTBYT và 24/2013/TT-BYT / *Pesticide and veterinary drug residues: Comply with Circular No. 50/2016 / TTBYT and 24/2013 / TT-BYT*

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố. Và chỉ đưa sản phẩm vào sản xuất, kinh doanh khi đã được cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm / *We commit to fully implement the provision of food safety regulations and is fully responsibile for the legality of proclamation dossier, quality and safety of product announced.*

Bình Dương, ngày 22 tháng11 năm 2022

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

REPRESENTATIVE

M.S.D.N: 3700229347 C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH FRIESLANDCAMPINA VIỆT NAM
TP. THUẬN AN - T. BÌNH DƯƠNG

Mai Văn Nghĩa

Phó Tổng Giám đốc

FrieslandCampina
nourishing by nature

TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM CỦA NHÀ SẢN XUẤT
PRODUCT SPECIFICATION OF MANUFACTURER

(FCV-IMP Sr GUM Friso Gold Pro 01/1B)

Tên sản phẩm:

Sản phẩm dinh dưỡng Friso Gold Pro 4 dành cho trẻ từ 3 – 6 tuổi

Quy cách đóng gói:

Dạng lon thiếc.

Khối lượng tịnh: 800g

FrieslandCampina
nourishing by nature

I. Yêu cầu kỹ thuật / *Technical Requirements:*

1. Các chỉ tiêu cảm quan / *Organoleptic criteria*:

- Trạng thái/ *appearance*: Dạng bột đồng nhất, không bị vón cục, không có tạp chất lạ / *powder homogenous texture, no lump, no strange extraneous matter.*
- Màu sắc/ *color*: Màu trắng sữa đến màu kem nhạt / *off-white to slight cream colour.*
- Mùi vị/ *taste:* Mùi vị đặc trưng của sản phẩm, không có mùi, vị lạ / *typical taste of product, no strange odor*

2. Các chỉ tiêu chất lượng chủ yếu ***trên nhãn*** / *The principal quality criteria on label:*

Thành phần dinh dưỡng trung bình / approximate analysis

Thành phần	***Composition***	**Unit**	**100g**	**100ml**	**100kcal**
Giá trị năng lượng	***Energy value***	kcal	454	68	
Chất đạm	***Protein***	g	24,0	3,6	5,3
Chất béo	***Fat***	g	17,6	2,6	3,9
• Chất béo không bão hòa đơn	• *Mono unsaturated fat*	g	5,9	0,89	1,3
• Chất béo không bão hòa đa	• *Poly unsaturated fat*	g	1,8	0,27	0,40
• Chất béo bão hòa	• *Saturated fat*	g	9,9	1,5	2,2
• Axít linoleic	• *Linoleic acid*	mg	1.350	203	297
• Axít α-linolenic	• *α-linolenic acid*	mg	200	30	44
• DHA	• *DHA*	mg	16	2,4	3,5
• AA	• *AA*	mg	16	2,4	3,5
Cacbonhydrat	***Carbohydrates***	g	49,8	7,5	11
Chất xơ - prebiotic	***Dietary fibre- prebiotic***				
• Galacto-oligosaccharides (GOS)	• *Galacto-oligosaccharides (GOS)*	g	2	0,30	0,44
• 2'-Fucosyllactose (2'-FL)	• *2'-Fucosyllactose (2'-FL)*	mg	200	30	44
Chất khoáng	***Minerals***				
• Canxi	• *Calcium*	mg	750	113	165
• Phốt pho	• *Phosphorus*	mg	610	92	134
• Natri	• *Sodium*	mg	230	35	51
• Sắt	• *Iron*	mg	6,6	1,0	1,5
• Đồng	• *Copper*	µg	435	65	96
• Kali	• *Potassium*	mg	975	146	215
• Clorua	• *Chloride*	mg	590	89	130
• Magiê	• *Magnesium*	mg	65	9,8	14
• Kẽm	• *Zinc*	mg	7,0	1,1	1,5
• Iốt	• *Iodine*	µg	110	17	24
• Mangan	• *Manganese*	µg	810	122	178
• Selen	• *Selenium*	µg	11	1,7	2,4
Vitamin	***Vitamins***				
• Vitamin A	• *Vitamin A*	µg-RE	280	42	62
• Vitamin D_3	• *Vitamin D_3*	µg	4,5	0,68	0,99
• Vitamin E	• *Vitamin E*	mg-αTE	3,2	0,48	0,70
• Vitamin K_1	• *Vitamin K_1*	µg	50	7,5	11
• Vitamin B_1	• *Vitamin B_1*	µg	360	54	79

• Vitamin B_2	• *Vitamin B_2*	µg	785	118	173
• Niacin	• *Niacin*	mg	3,0	0,45	0,66
• Vitamin B_6	• *Vitamin B_6*	µg	370	56	81
• Axít folic	• *Folic acid*	µg	170	26	37
• Axít pantothenic	• *Pantothenic acid*	mg	2,4	0,36	0,53
• Vitamin B_{12}	• *Vitamin B_{12}*	µg	1,7	0,26	0,37
• Biotin	• *Biotin*	µg	10	1,5	2,2
• Vitamin C	• *Vitamin C*	mg	30	4,5	6,6
Nucleotides	***Nucleotides***	mg	16	2,4	3,5
Taurin	***Taurine***	mg	32	4,8	7,0
Cholin	***Choline***	mg	65	9,8	14
Inositol	***Inositol***	mg	20	3,0	4,4
L-carnitin	***L-carnitine***	mg	13	2,0	2,9

3. Mức tối thiểu và tối đa của các chỉ tiêu chất lượng chủ yếu / *Minimum and maximum value of principal quality criteria*

Thành phần	*Composition*	Unit	Mức tối thiểu/ *Min value per 100g*	Mức tối đa/ *Max value per 100g*	Mức tối thiểu / *Min value per 100Kcal*	Mức tối đa / *Max value per 100Kcal*
Năng lượng	***Energy value***	kcal	400	566		
Chất đạm	***Protein***	g	21,6	26,4	4,76	5,81
Chất béo	***Fat***	g	15,8	19,4	3,48	4,27
• Chất béo không bão hòa đơn	• *Mono unsaturated fat*	g	4,8	7,0	1,06	1,54
• Chất béo không bão hòa đa	• *Poly unsaturated fat*	g	1,5	2,6	0,33	0,57
• Chất béo bão hòa	• *Saturated fat*	g	8,0	11,8	1,76	2,60
• Axít linoleic	• *Linoleic acid*	mg	1.080	1.620	237,9	356,8
• Axít α-linolenic	• *α-linolenic acid*	mg	160	240	35,2	52,9
• DHA	• *DHA*	mg	13	20	2,86	4,41
• AA	• *AA*	mg	13	20	2,86	4,41
Cacbonhydrat	***Carbohydrates***	g	44,8	54,8	9,87	12,07
• Sucrose	• *Sucrose*	g		≤0,5		
Chất xơ – prebiotic	***Dietary fibre – prebiotic***					
• Galacto-oligosaccharides (GOS)	• *Galacto-oligosaccharides (GOS)*	g	1,6	2,6	0,35	0,57
• 2'-Fucosyllactose (2'-FL)	• *2'-Fucosyllactose (2'-FL)*	mg	160	300	35,24	66,08
Độ ẩm	***Moisture***	%		≤3,5		
Chất khoáng	***Minerals***					
• Canxi	• *Calcium*	mg	600	1.125	132,2	247,8
• Phốt pho	• *Phosphorus*	mg	488	915	107,5	201,5
• Natri	• *Sodium*	mg	184	276	40,5	60,8
• Sắt	• *Iron*	mg	5,3	9,9	1,17	2,18
• Đồng	• *Copper*	mcg	348	652	76,7	143,6
• Kali	• *Potassium*	mg	780	1.462	171,8	322,0
• Clorua	• *Chloride*	mg	472	885	104,0	194,9
• Magiê	• *Magnesium*	mg	52	97	11,5	21,4
• Kẽm	• *Zinc*	mg	5,6	10,5	1,23	2,31
• Iốt	• *Iodine*	mcg	88	165	19,4	36,3

• Mangan	• *Manganese*	mcg	648	1.215	142,7	267,6
• Selen	• *Selenium*	mcg	9	16	1,98	3,52
Vitamin	***Vitamins***					
• Vitamin A	• *Vitamin A*	mcg-RE	224	504	49,34	111,01
• Vitamin D_3	• *Vitamin D_3*	mcg	3,6	8,1	0,79	1,78
• Vitamin E	• *Vitamin E*	mg-αTE	2,6	5,7	0,57	1,26
• Vitamin K_1	• *Vitamin K_1*	mcg	40	90	8,8	19,8
• Vitamin B_1	• *Vitamin B_1*	mcg	288	720	63,4	158,6
• Vitamin B_2	• *Vitamin B_2*	mcg	628	1.570	138,3	345,8
• Niacin	• *Niacin*	mg	2,4	6,0	0,53	1,32
• Vitamin B_6	• *Vitamin B_6*	mcg	296	740	65,20	163,00
• Axít folic	• *Folic acid*	mcg	136	340	29,96	74,89
• Axít pantothenic	• *Pantothenic acid*	mg	2,0	4,8	0,44	1,06
• Vitamin B_{12}	• *Vitamin B_{12}*	mcg	1,4	3,4	0,31	0,75
• Biotin	• *Biotin*	mcg	8	20	1,76	4,41
• Vitamin C	• *Vitamin C*	mg	24	60	5,29	13,22
Nucleotides	***Nucleotides***	mg	13	24	2,86	5,29
Taurin	***Taurine***	mg	26	48	5,73	10,57
Cholin	***Choline***	mg	52	130	11,45	28,63
Inositol	***Inositol***	mg	16	40	3,52	8,81
L-carnitin	***L-carnitine***	mg	11	19	2,42	4,19

Ghi chú / *Remark:*

Việc kiểm soát các chỉ tiêu trên được thực hiện theo Kế Hoạch Kiểm Soát Nội Bộ / *The control of criteria above follows Internal Control Plan.*

II. Đối tượng sử dụng/ *Target user*: Sản phẩm dành cho trẻ từ 3-6 tuổi / *For children from 3-6 years old*

III. Hướng dẫn cách pha & sử dụng/ *Direction for use.*

Vì sức khỏe của bé, hãy tuân thủ theo các hướng dẫn sau/ *In the interest of your baby's heath, please follow these instructions*

1. Rửa tay và các dụng cụ pha chế thật kỹ bằng nước sạch/ *Wash hands and utensils thoroughly, using clean water.*
2. Đun sôi nước sạch trong vòng 5 phút và để nguội dưới 40^0C trước khi pha sản phẩm/ *Boil clean water for 5 minutes and allow cooling to below 40^0C (lukewarm).*
3. Rửa dụng cụ pha chế bằng nước sôi thật kỹ ngay trước khi sử dụng/ *Just before use, rinse the bottle and teat thoroughly with hot water.*
4. Đổ lượng nước theo chỉ định vào bình/ *Pour the indicated amount of water into the bottle.*
5. Cứ mỗi 36 ml nước cho vào 1 muỗng gạt ngang (chỉ sử dụng muỗng đi kèm trong mỗi lon)/ *Use enclosed scoop to add 1 leveled scoop to each 36 ml of water.*
6. Khuấy hoặc lắc đều cho đến khi tan hoàn toàn/ *Stir or shake until the powder is completely dissolved.*
7. Kiểm tra độ nóng và cho trẻ ăn ngay khi sản phẩm vừa ấm/ *Test temperature and feed your baby when Friso Gold Pro 4 is lukewarm.*
8. Sử dụng sản phẩm trong vòng 1 giờ sau khi pha/ *Finish using reconstituted feeding within max 1 hour after preparation*
9. Đổ bỏ phần sản phẩm uống còn dư/ *Discard any unfinished feeding*

FrieslandCampina nip
nourishing by nature

Lưu ý quan trọng khi sử dụng/ *Important to know:*

Vì sức khỏe của bé, hãy tuân thủ theo các hướng dẫn sau/ *In the interest of your baby's heath, please follow these instructions*

Lưu ý: Sử dụng sản phẩm trong vòng 1 giờ sau khi pha/ ***Attention:*** *Use prepared product within a maximum of 1 hour after preparation.*

Nếu điều kiện bảo quản, qui trình chuẩn bị và pha chế Friso Gold Pro 4 không đúng có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe của bé/ *Inappropriate preparation, storage and use of Friso Gold Pro 4 may put your baby's health at risk*

- Luôn giữ nơi pha chế sạch sẽ và ngăn nắp/*Always keep your working environment clean and tidy*
- Đun sôi các dụng cụ pha chế ít nhất 3 phút, một lần mỗi ngày / *Boil all utensils for at least three minutes once a day*
- Luôn giữ muỗng lường bột ở bên trong lon được khô ráo và sạch sẽ/ *Always put the dry and clean scoop inside the tin*
- Đóng kín lon sản phẩm bằng nắp nhựa / *Close the tin tightly with its original plastic lid*
- Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát/ *Store in a dry and cool place*
- Sử dụng trong vòng 4 tuần sau khi mở nắp lon/ *Use the contents of this tin within 4 weeks after opening*

IV. Bảng hướng dẫn cho bé ăn/ *Suggested feeding table:*

Tuổi của bé/ *Age of your baby*	Lượng nước ấm / *Luke warm water (ml)*	Số muỗng/ *No. of scoops*	Tổng lượng sản phẩm (ml)/*Total amount of feeding (ml)*	Số lần ăn mỗi ngày/*No.of feedings per day*
3-6 tuổi/ years old	180	5	200	1-2 ly

Một muỗng gạt ngang khoảng 6,0g
Lượng dùng khuyến nghị 1-2 ly mỗi ngày

V. Thông tin cảnh báo/ *Warning information:*

Sản phẩm có chứa thành phần từ đậu nành, dầu cá, sữa và đường sữa lactose/ *Contains soybean and product thereof, fish and products thereof, milk and products thereof (incl. lactose)*

Bình Dương, ngày 22 tháng 11 năm 2022

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP
REPRESENTATIVE

M.S.D.N: 3700229114 C.T.T.N.H.H CÔNG TY TNHH FRIESLANDCAMPINA VIỆT NAM TP. THUẬN AN T. BÌNH DƯƠNG

Mai Văn Nghĩa
Phó Tổng Giám đốc

Friso GOLD

Friso® là nhãn hiệu đã có mặt ở hơn 20 quốc gia trên toàn thế giới.
Friso® Gold Pro được nhập khẩu 100% từ Hà Lan, thuộc tập đoàn FrieslandCampina là một trong những tập đoàn sữa lớn nhất trên thế giới với hơn 150 năm kinh nghiệm.

Bé khỏe mạnh hơn từ bên trong để khám phá nhiều hơn.

Friso® GOLD PRO

Công nghệ TrackEasy - Truy xuất nguồn gốc và quy trình sản xuất tại Hà Lan của sản phẩm trên tay bạn.
Quét mã QR dưới đáy lon để khám phá!

Nuôi dưỡng hệ vi sinh đường ruột
Giúp tăng cường nền tảng đề kháng tự nhiên

Dưỡng chất **Thiên Nhiên**

- **NOVAS Signature Milk** - Nguồn sữa chất lượng tại trang trại Hà Lan của chúng tôi.
- **150 năm kinh nghiệm** trong ngành sữa của Hà Lan.

Hoàn thiện bằng **Khoa Học**

- **BIOPRO+™** là sự kết hợp của các dưỡng chất HMO (2'-FL), chất xơ GOS và Probiotics giúp nuôi dưỡng hệ vi sinh đường ruột của trẻ.
- Quy trình **LockNutri®** giúp bảo vệ đạm sữa trong suốt quá trình sản xuất không bị biến chất bởi nhiệt độ cao - giúp bé dễ tiêu hóa.
- Các dưỡng chất quan trọng hỗ trợ miễn dịch, tăng trưởng và sự phát triển toàn diện của trẻ: Vitamin D, Nucleotides, Selen.
- **Không đường Sucrose***

BIOPRO+™
HMO
GOS · Probiotics

4

Giúp tăng cường nền tảng đề kháng tự nhiên

Thực phẩm bổ sung
Sản phẩm dinh dưỡng dành cho trẻ từ 3-6 tuổi

SẢN XUẤT TẠI HÀ LAN
Khối lượng tịnh: **800 g**

LƯU Ý QUAN TRỌNG KHI SỬ DỤNG

Vì sức khỏe của bé, hãy tuân thủ theo các hướng dẫn sau. Nếu điều kiện bảo quản, quy trình chuẩn bị và pha chế Friso® Gold Pro 4 không đúng, có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe của bé:
- Luôn giữ nơi pha chế sạch sẽ và ngăn nắp.
- Đun sôi các dụng cụ pha chế ít nhất 3 phút, một lần mỗi ngày.
- Luôn giữ muỗng lường bột ở bên trong lon được khô ráo và sạch sẽ.
- Đóng kín lon sản phẩm bằng nắp nhựa.
- Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát.
- Sử dụng trong vòng 4 tuần sau khi mở nắp lon.

180 ml nước ấm + x5 muỗng = 200 ml tổng lượng sản phẩm

1 muỗng gạt ngang khoảng 6,0g
Lượng dùng khuyến nghị: 1-2 ly mỗi ngày

HƯỚNG DẪN CÁCH PHA VÀ SỬ DỤNG

Vì sức khỏe của bé, hãy tuân thủ theo các hướng dẫn sau:

Lưu ý: Sử dụng sản phẩm trong vòng 1 giờ sau khi pha.

1. Rửa tay và các dụng cụ pha chế thật kỹ bằng nước sạch
2. Đun sôi nước sạch trong vòng 5 phút và để nguội dưới 40°C trước khi pha sản phẩm
3. Rửa dụng cụ pha chế bằng nước sôi thật kỹ ngay trước khi sử dụng
4. Đổ lượng nước theo chỉ dẫn vào bình
5. Cứ mỗi 36ml nước cho vào 1 muỗng gạt ngang (chỉ sử dụng muỗng đi kèm trong mỗi lon)
6. Khuấy hoặc lắc đều cho đến khi tan hoàn toàn
7. Kiểm tra độ nóng và cho trẻ ăn ngay khi sản phẩm còn ấm
8. Sử dụng sản phẩm trong vòng 1 giờ sau khi pha
9. Đổ bỏ phần sản phẩm uống còn dư.

THÀNH PHẦN DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH

Thành phần	Đơn vị	100g	100ml	100kcal		Đơn vị	100g	100ml	100kcal
Năng lượng	kcal	454	68		• Kẽm	mg	7,0	1,1	1,5
Chất đạm	g	24,0	3,6	5,3	• Iốt	μg	113	17	24
Chất béo	g	17,6	2,6	3,9	• Mangan	μg	810	122	178
• Chất béo không bão hòa đơn	g	5,5	0,89	1,3	• Selen	μg	11	1,7	2,4
• Chất béo không bão hòa đa	g	1,8	0,27	0,40	Vitamin				
• Chất béo bão hòa	g	9,9	1,5	2,2	• Vitamin A	μg RE	280	42	62
• Axit linoleic	mg	1.350	203	297	• Vitamin D3	μg	4,5	0,68	0,99
• Axit α-linolenic	mg	200	30	44	• Vitamin E	mg α-TE	3,2	0,48	0,70
• DHA	mg	16	2,4	3,5	• Vitamin K1	μg	50	7,5	11
• AA	mg	16	2,4	3,5	• Vitamin B1	μg	360	54	79
Carbohydrat	g	49,8	7,5	11	• Vitamin B2	μg	785	118	173
Chất xơ - Prebiotic					• Niacin	mg	3,0	0,45	0,66
• Galacto-oligosaccharides (GOS)	g	2	0,30	0,44	• Vitamin B6	μg	370	56	81
• 2'-Fucosyllactose (2'-FL)	mg	200	30	44	• Axit folic	μg	170	26	37
Chất khoáng					• Axit pantothenic	mg	2,4	0,36	0,53
• Canxi	mg	750	113	165	• Vitamin B12	μg	1,7	0,26	0,37
• Phốt pho	mg	610	92	134	• Biotin	μg	10	1,5	2,2
• Natri	mg	230	35	51	• Vitamin C	mg	30	4,5	6,6
• Sắt	mg	6,6	1,0	1,5	Nucleotides	mg	16	2,4	3,5
• Đồng	μg	435	65	96	Taurin	mg	32	4,8	7,0
• Kali	mg	975	146	215	Cholin	mg	65	9,8	14
• Clorua	mg	590	89	130	Inositol	mg	20	3,0	4,4
• Magie	mg	65	9,8	14	L-carnitin	mg	13	2,0	2,9

Thành phần: Sữa gầy, Sữa nguyên kem, Siro glucose, Dầu thực vật [illegible], Galacto-oligosaccharides (GOS), Lactose, 2'-Fucosyllactose (2'-FL), [illegible], Vitamin C, [illegible], Vitamin E, Probiotics [illegible], Vitamin B1, Vitamin A, Vitamin B6, Axit folic, Vitamin K1, Vitamin D3.

(**) Chứa 1x10⁷ CFU/100g tại thời điểm đóng gói.

Sản phẩm có chứa thành phần từ đậu nành, dầu cá, sữa và đường sữa lactose.

*Sucrose ≤ 0,5g/100g.

Bộ phận chăm sóc khách hàng
Miễn phí cuộc gọi đến
1800 1545
www.friso.com.vn

Friso® là nhãn hiệu của:
FrieslandCampina
* Nhãn hiệu đăng ký độc quyền.

Xuất xứ: Hà Lan
Nhà sản xuất:
FrieslandCampina Domo B.V, De Perk 30, 9411 PZ Beilen, Hà Lan
Nhà nhập khẩu:
Công ty TNHH FrieslandCampina Việt Nam, Khu phố Bình Đức 1, P. Bình Hòa, TP. Thuận An, T. Bình Dương, Việt Nam.
Đóng gói trong môi trường được kiểm soát vệ sinh chặt chẽ.

8 716200 733120

410252 @ 435069

CÔNG TY TNHH FRIESLANDCAMPINA VIỆT NAM
M.S.D.N: 3700229344 - C.T.T.N.H.H
TP. THUẬN AN - T. BÌNH DƯƠNG

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
QUATEST 3®
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
VILAS 004 ISO/IEC 17025:2017
Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist.2, HCMC, Vietnam 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-02195BTP2/1-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

24/05/2022
Page 01/05

1. Tên mẫu / *Name of sample*: **SẢN PHẨM DINH DƯỠNG FRISO GOLD PRO 4 DÀNH CHO TRẺ TỪ 3-6 TUỔI**
FRISO GOLD PRO 4 - GROWING-UP FORMULA FROM 3-6 YEARS OLD
CODE: 130823
CBTC: 0012/FCV/2020

2. Mô tả mẫu / *Sample description*: Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp./ *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.
As received sample is intact package and label.

Results meet standards

3. Số lượng mẫu / *Quantity*: 01

4. Ngày nhận mẫu / *Date of receiving*: 29/04/2022

5. Thời gian thử nghiệm / *Testing duration*: 04/05/2022 – 24/05/2022

ĐẶNG LÊ CHÍ THÀNH

6. Nơi gửi mẫu / *Customer*: **CÔNG TY TNHH FRIESLANDCAMPINA VIỆT NAM**
Khu Phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành Phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

7. Kết quả thử nghiệm / *Test results*: Xem trang / *See page* 02-05/05

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB

Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC / *PP. DIRECTOR*
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB.

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004).Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet

KT3-02195BTP2/1-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

7. Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test result*
7.1. Năng lượng/ *Calories* • kcal/100 g	QTTN/ KT3 024 : 2018	458 ± 6
7.2. Hàm lượng protein, g/100 g *Protein content*	TCVN 8099-1:2015 Kjeldahl method	24,7 ± 0,7
7.3. Hàm lượng béo, g/100 g *Fat content*	TCVN 7084:2010	17,6 ± 0,5
7.4. Hàm lượng béo không bão hòa đơn, g/100 g *Mono unsaturated fat content*	QTTN/KT3 268 : 2020 (Ref: AOAC 2016 (996.06))	5,71 ± 0,57
7.5. Hàm lượng béo không bão hòa đa, g/100 g *Poly unsaturated fat content*	QTTN/KT3 268 : 2020 (Ref: AOAC 2016 (996.06))	1,62 ± 0,16
7.6. Hàm lượng béo bão hòa, g/100 g *Saturated fat content*	QTTN/KT3 268 : 2020 (Ref: AOAC 2016 (996.06))	8,21 ± 0,82
7.7. Hàm lượng axit linoleic (LA), mg/100 g *Linoleic acid content*	QTTN/KT3 268 : 2020 (Ref: AOAC 2016 (996.06))	$1,33 \times 10^3 \pm 0,27 \times 10^3$
7.8. Hàm lượng axit alpha linolenic (ALA), mg/100 g *Alpha linolenic acid content*	QTTN/KT3 268 : 2020 (Ref: AOAC 2016 (996.06))	231 ± 46
7.9. Hàm lượng cis-4,7,10,13,16,19-Docosahexaenoic acid (DHA), mg/100 g *DHA content*	QTTN/KT3 268 : 2020 (Ref: AOAC 2016 (996.06))	18,0 ± 3,6
7.10. Hàm lượng Arachidonic acid (AA), mg/100 g *AA content*	QTTN/KT3 268 : 2020 (Ref: AOAC 2016 (996.06))	19,0 ± 3,8
7.11. Hàm lượng carbohydrate, g/100 g *Carbohydrate content*	U.S. FDA 21 CFR 101.9	50,2 ± 0,9
7.12. Hàm lượng sacaroza, g/100 g *Sucrose content*	QTTN/KT3 178 : 2017 (Ref: TCVN 4594 : 1988)	0,33 ± 0,03
7.13. GOS (Galacto-oligosaccharides)	(A)	N/A
7.14. 2'-Fucosyllactose	(A)	N/A

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004).Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet

KT3-02195BTP2/1-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

7. Kết quả thử nghiệm : *Test results*

Tên chỉ tiêu *Characteristic*		Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test result*
7.15. Độ ẩm, *Moisture content*	g/100 g	QTTN/KT3 136 : 2016 (Ref: FAO FNP 14/7 (p.205)-1986)	2,47 ± 0,12
7.16. Hàm lượng canxi, *Calcium content*	mg/100 g	AOAC 2016 (2015.06)	984 ± 197
7.17. Hàm lượng phốt pho, *Phosphorus content*	mg/100 g	AOAC 2016 (2015.06)	833 ± 167
7.18. Hàm lượng natri, *Sodium content*	mg/100 g	AOAC 2016 (2015.06)	244 ± 49
7.19. Hàm lượng sắt, *Iron content*	mg/100 g	AOAC 2016 (2015.06)	8,94 ± 1,79
7.20. Hàm lượng đồng, *Copper content*	µg/100 g	AOAC 2016 (999.11)	502 ± 100
7.21. Hàm lượng kali, *Potassium content*	mg/100 g	AOAC 2016 (2015.06)	$1,22 \times 10^3 \pm 0,24 \times 10^3$
7.22. Hàm lượng clorua, *Chloride content*	mg/100 g	QTTN/KT3 190 : 2018	633 ± 127
7.23. Hàm lượng magie, *Magnesium content*	mg/100 g	AOAC 2016 (2015.06)	93,8 ± 18,8
7.24. Hàm lượng kẽm, *Zinc content*	mg/100 g	AOAC 2016 (2015.06)	8,26 ± 1,65
7.25. Hàm lượng iod, *Iodine content*	µg/100 g	QTTN/KT3 179 : 2017 (Ref: AOAC 2016 (2012.15))	123 ± 37
7.26. Hàm lượng mangan, *Manganese content*	µg/100 g	AOAC 2016 (985.35)	775 ± 233
7.27. Hàm lượng selen, *Selenium content*	µg/100 g	AOAC 2016 (2015.06)	11,6 ± 3,5
7.28. Hàm lượng vitamin A (retinol + β carotene), *Vitamin A content*	µg RE/100 g	QTTN/KT3 241:2019 (Ref: AOAC (2005.07)) & AOAC 2016 (2001.13)	294 ± 59
7.29. Hàm lượng vitamin D3 (Cholecalciferol), *Vitamin D3 content*	µg/100 g	AOAC 2016 (2011.11)	4,03 ± 0,81

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. */ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004).Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet

KT3-02195BTP2/1-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

7. Kết quả thử nghiệm/ *Test results*:

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test result*
7.30. Hàm lượng vitamin E (d-alpha-tocopherol), mg α-TE/100 g *Vitamin E content*	AOAC 2016 (992.03)	4,17 ± 0,83
7.31. Hàm lượng vitamin K1 (Phylloquinone), µg/100 g *Vitamin K1 content*	QTTN/KT3 227:2018 (Ref: AOAC 2016 (999.15))	66,5 ± 20,0
7.32. Hàm lượng vitamin B1 (Thiamin hydrochloride), µg/100 g *Vitamin B1 content*	QTTN/KT3 075:2016	453 ± 91
7.33. Hàm lượng vitamin B2 (riboflavin), µg/100 g *Vitamin B2 content*	QTTN/KT3 077:2012	990 ± 198
7.34. Hàm lượng vitamin B3 (niacin), mg/100 g *Vitamin B3 content*	QTTN/KT3 036:2016	4,91 ± 0,98
7.35. Hàm lượng vitamin B6 (Pyridoxine hydrochloride), µg/100 g *Vitamin B6 content*	QTTN/KT3 037:2016	320 ± 64
7.36. Hàm lượng axit folic, µg/100 g *Folic acid content*	AOAC 2016 (2013.13)	141 ± 28
7.37. Hàm lượng vitamin B5 (axit pantothenic), mg/100 g *Vitamin B5 content*	AOAC 2016 (2012.16)	3,50 ± 0,70
7.38. Hàm lượng vitamin B12 (Cyanocobalamine), µg/100 g *Vitamin B12 content*	QTTN/KT3 160:2017 (LC-MS/MS)	1,80 ± 0,54
7.39. Hàm lượng biotin, µg/100 g *Biotin content*	QTTN/KT3 184:2017	15,5 ± 4,7
7.40. Hàm lượng vitamin C (axit ascorbic), mg/100 g *Vitamin C content*	QTTN/KT3 038:2016	25,5 ± 5,1
7.41. Hàm lượng taurin, mg/100 g *Taurine content*	AOAC 2016 (997.05)	46,8 ± 9,4
7.42. Hàm lượng cholin, mg/100 g *Choline content*	AOAC 2016 (2014.04)	78,2 ± 15,6

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004).Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist.2, HCMC, Vietnam 1 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-02195BTP2/1-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

7. Kết quả thử nghiệm/ *Test results*:

Tên chỉ tiêu *Characteristic*		Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test result*
7.43. Hàm lượng L-carnitine, *L-carnitine content*	mg/100 g	AOAC 2016 (2014.04)	12,4 ± 2,5
7.44. Hàm lượng inositol, *Inositol content*	mg/100 g	QTTN/KT3 096:2017	26,8 ± 5,4
7.45. Nucleotides		(A)	N/A

Ghi chú/*Note*: Hàm lượng protein/ *Protein* = 6,38 x Hàm lượng nitơ tổng/ *Nitrogen*
(A): Hiện nay Trung tâm Kỹ thuật 3 chưa có phương pháp thử phù hợp cho chỉ tiêu này.
Quatest 3 does not have suitable test method for this characteristic.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. */ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004).Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
QUATEST 3®
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
VILAS 004 ISO/IEC 17025:2017
Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist.2, HCMC, Vietnam 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-02195BTP2/1-2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

24/05/2022

1. Tên mẫu / *Name of sample*: **SẢN PHẨM DINH DƯỠNG FRISO GOLD PRO 4 DÀNH CHO TRẺ TỪ 3-6 TUỔI**
FRISO GOLD PRO 4 - GROWING-UP FORMULA FROM 3-6 YEARS OLD
CODE: 130823
CBTC: 0012/FCV/2020

2. Mô tả mẫu / *Sample description*: Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp./ *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.
As received sample is intact package and label.

3. Số lượng mẫu / *Quantity*: 01

4. Ngày nhận mẫu / *Date of receiving*: 29/04/2022

5. Thời gian thử nghiệm / *Testing duration*: 04/05/2022 – 24/05/2022

6. Nơi gửi mẫu / *Customer*: **CÔNG TY TNHH FRIESLANDCAMPINA VIỆT NAM**
Khu Phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành Phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

7. Kết quả thử nghiệm / *Test results*: Xem trang / *See page* 02/02

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB

Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC / *PP. DIRECTOR*
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB.

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004).Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet

KT3-02195BTP2/1-2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

24/05/2022

7. Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test result*
7.1. Enterobacteriaceae/10 g	ISO 21528-1:2017	Không phát hiện *Not detected*
7.2. *Listeria monocytogenes*/ 25 g	ISO 11290 –1 : 2017	Không phát hiện *Not detected*
7.3. Tổng số vi sinh vật hiếu khí ở 30 °C, CFU/g *Total aerobic plate count at 30 °C*	ISO 4833-1:2013	$3,7 \times 10^2$
7.4. Tổng số nấm men & nấm mốc, CFU/g *Total yeasts & moulds*	ISO 21527-2:2008	Nhỏ hơn $10^{(1)}$ *Less than*
7.5. *E.Coli*/10 g	ISO16649 – 3 : 2015	Không phát hiện *Not detected*
7.6. Staphylococci có phản ứng dương tính với Coagulase /g (*Staphylococcus aureus* và các loài khác)	ISO 6888-3:2003	Không phát hiện *Not detected*
7.7. *Bacillus cereus* giả định, CFU/g *Presumtive bacillus cereus*	ISO 7932 : 2004	Nhỏ hơn $10^{(1)}$ *Less than*
7.8. Bào tử kỵ khí khử sulfite, CFU/g *Spores of thermophillic sulfite -reducing bacteria growing under anaerobic conditions*	ISO 15213:2003	Nhỏ hơn $10^{(1)}$ *Less than*
7.9. *Clostridium perfringens*, CFU/g	ISO 7937 : 2004	Nhỏ hơn $10^{(1)}$ *Less than*
7.10. *Salmonella* spp/ 25 g	ISO 6579 -1:2017	Không phát hiện *Not detected*

Ghi chú/ *Notes*:
(1): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ *According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g when the dish contains no colony.*

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004).Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
QUATEST 3®
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
VILAS 004 ISO/IEC 17025:2017
Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist.2, HCMC, Vietnam 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-02195BTP2/1-3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu / *Name of sample*: **SẢN PHẨM DINH DƯỠNG FRISO GOLD PRO 4 DÀNH CHO TRẺ TỪ 3-6 TUỔI**
FRISO GOLD PRO 4 - GROWING-UP FORMULA FROM 3-6 YEARS OLD
CODE: 130823
CBTC: 0012/FCV/2020

2. Mô tả mẫu / *Sample description*: Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp./ *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.
As received sample is intact package and label.

3. Số lượng mẫu / *Quantity*: 01

4. Ngày nhận mẫu / *Date of receiving*: 29/04/2022

5. Thời gian thử nghiệm / *Testing duration*: 04/05/2022 – 24/05/2022

6. Nơi gửi mẫu / *Customer*: **CÔNG TY TNHH FRIESLANDCAMPINA VIỆT NAM**
Khu Phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành Phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

7. Kết quả thử nghiệm / *Test results*: Xem trang / *See page* 02-06/06

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB

Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC / *PP. DIRECTOR*
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB.

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004).Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
QUATEST 3®
VILAS 004 ISO/IEC 17025:2017
Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist.2, HCMC, Vietnam 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-02195BTP2/1-3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

7. Kết quả thử nghiệm : *Test results*

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo *Limit of Detection/ Range of measurement*	Kết quả thử nghiệm *Test result*
7.1. Hàm lượng asen tổng số, mg/kg *Total arsenic content*	AOAC 2016 (2013.06)	$1{,}00 \times 10^{-2}$	Không phát hiện *Not detected*
7.2. Hàm lượng thủy ngân, mg/kg *Mercury content*	AOAC 2016 (2013.06)	$1{,}00 \times 10^{-2}$	Không phát hiện *Not detected*
7.3. Hàm lượng cadimi, mg/kg *Cadmium content*	AOAC 2016 (2013.06)	$1{,}00 \times 10^{-2}$	Không phát hiện *Not detected*
7.4. Hàm lượng chì, mg/kg *Lead content*	QTTN/KT3 196 : 2018 (Ref: AOAC 2016 (2013.06))	$6{,}00 \times 10^{-3}$	Không phát hiện *Not detected*
7.5. Hàm lượng thiếc, mg/kg *Tin content*	QTTN/KT3 162 : 2017 (Ref: AOAC 2016 (985.16))	2,00	Không phát hiện *Not detected*
7.6. Hàm lượng nhôm, mg/kg *Aluminium content*	QTTN/KT3 053 : 2017	0,50	Không phát hiện *Not detected*
7.7. Hàm lượng aflatoxin M1, µg/kg *Aflatoxin M1 content*	QTTN/KT3 242 : 2019	0,02	Không phát hiện *Not detected*
7.8. Hàm lượng aflatoxin B1, µg/kg *Aflatoxin B1 content*	TCVN 7596 : 2007	0,10	Không phát hiện *Not detected*
7.9. Hàm lượng ochratoxin A, µg/kg *Ochratoxin A content*	QTTN/KT3 223 : 2018 (Ref: AOAC 2016 (2000.03))	0,3	Không phát hiện *Not detected*
7.10. Hàm lượng deoxynivalenol (DON), µg/kg *Deoxynivalenol content*	QTTN/KT3 089 : 2018 (LC/MS/MS)	20	Không phát hiện *Not detected*
7.11. Hàm lượng zearalenone, µg/kg *Zearalenone content*	QTTN/KT3 224 : 2018 (Ref: TCVN 9591 : 2013)	5	Không phát hiện *Not detected*
7.12. Hàm lượng fumonisin (B1 + B2), µg/kg *Fumonisin (B1 + B2) content*	QTTN/KT3 161 : 2017	75	Không phát hiện *Not detected*

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. */ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004).Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist.2, HCMC, Vietnam 04 Vo Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

7. Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo *Limit of Detection/ Range of measurement*	Kết quả thử nghiệm *Test result*
7.13. Hàm lượng patulin(*), µg/kg *Patulin content*	AOAC 2016 (2000.02)	3,0	Không phát hiện *Not detected*
7.14. Hàm lượng melamin, mg/kg *Melamine content*	TCVN 9048 : 2012	0,1	Không phát hiện *Not detected*
7.15. Hàm lượng thuốc thú y, µg/kg *Veterinary drugs content*	QTTN/KT3 288 : 2021		
• Albendazole		10	Không phát hiện *Not detected*
• Amoxicillin		2	Không phát hiện *Not detected*
• Benzylpenicillin		2	Không phát hiện *Not detected*
• Procainbenzylpenicillin		2	Không phát hiện *Not detected*
• Ceftiofur		10	Không phát hiện *Not detected*
• Chlortetracycline		10	Không phát hiện *Not detected*
• Oxytetracycline		10	Không phát hiện *Not detected*
• Tetracycline		10	Không phát hiện *Not detected*
• Clenbuterol		0,025	Không phát hiện *Not detected*
• Colistin		15	Không phát hiện *Not detected*
• Dexamethasone		0,15	Không phát hiện *Not detected*
• Dihydrostreptomycin		30	Không phát hiện *Not detected*
• Streptomycin		30	Không phát hiện *Not detected*
• Diminazene		50	Không phát hiện *Not detected*

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004).Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist.2, HCMC, Vietnam 49 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-02195BTP2/1-3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

7. Kết quả thử nghiệm : *Test results*

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo *Limit of Detection/ Range of measurement*	Kết quả thử nghiệm *Test result*
• Doramectin		5	Không phát hiện *Not detected*
• Eprinomectin		5	Không phát hiện *Not detected*
• Febantel		10	Không phát hiện *Not detected*
• Fenbendazole		10	Không phát hiện *Not detected*
• Oxfendazole		10	Không phát hiện *Not detected*
• Gentamicin		30	Không phát hiện *Not detected*
• Imidocarb		10	Không phát hiện *Not detected*
• Isometamidium		50	Không phát hiện *Not detected*
• Ivermectin		5	Không phát hiện *Not detected*
• Lincomycin		50	Không phát hiện *Not detected*
• Neomycin		30	Không phát hiện *Not detected*
• Pirlimycin		10	Không phát hiện *Not detected*
• Spectinomycin		30	Không phát hiện *Not detected*
• Spiramycin		50	Không phát hiện *Not detected*

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004).Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet

KT3-02195BTP2/1-3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

7. Kết quả thử nghiệm : *Test results*

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo *Limit of Detection/ Range of measurement*	Kết quả thử nghiệm *Test result*
• Sulfadimidine		10	Không phát hiện *Not detected*
• Thiabendazole		10	Không phát hiện *Not detected*
• Tylosin		10	Không phát hiện *Not detected*
• Monensin		1	Không phát hiện *Not detected*
7.16. Hàm lượng thuốc bảo vệ thực vật, µg/kg *Pesticide content*	EN 15662 : 2018		
• Cyfluthrin		10	Không phát hiện *Not detected*
• Cyhalothrin		10	Không phát hiện *Not detected*
• Cypermethrin & Alpha – cypermethrin		10	Không phát hiện *Not detected*
• Deltamethrin		10	Không phát hiện *Not detected*
• Trichlorfon		10	Không phát hiện *Not detected*
7.17. Hàm lượng thuốc bảo vệ thực vật, mg/kg *Pesticide content*	EN 15662 : 2018		
• Aldrin and dieldrin		0,005	Không phát hiện *Not detected*
• DDT (tổng của p,p'-DDT, o,p'- DDT, p,p'-DDE và p,p'-TDE (DDD))		0,005	Không phát hiện *Not detected*
• Endosulfan		0,005	Không phát hiện *Not detected*

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. */ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004).Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist.2, HCMC, Vietnam 641 La Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-02195BTP2/1-3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

7. Kết quả thử nghiệm : *Test results*

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo *Limit of Detection/ Range of measurement*	Kết quả thử nghiệm *Test result*
• Heptachlor		0,005	Không phát hiện *Not detected*
• Lindane		0,005	Không phát hiện *Not detected*
• Chlordane		0,002	Không phát hiện *Not detected*
• Methamidophos		0,0025	Không phát hiện *Not detected*

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. */ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004).Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet

BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)
Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thận Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, Q2, TP. HCM, Việt Nam
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đông Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số: 38159/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: Sản phẩm dinh dưỡng Friso Gold Pro 4 dành cho trẻ từ 3 – 6 tuổi
   Code: 131223 108M6B8
2. Mã số mẫu: 10229620/DV.2
3. Mô tả mẫu: Mẫu đóng trong bao bì kín. Số lượng: 1
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
6. Ngày nhận mẫu: 31/10/2022
7. Thời gian thử nghiệm: 31/10/2022 - 14/11/2022
8. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY TNHH FRIESLANDCAMPINA VIỆT NAM
   Địa chỉ: Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
9. Kết quả thử nghiệm: Chỉ tiêu Vi sinh vật

STT	*Tên chỉ tiêu*	*Đơn vị*	*Phương pháp thử*	*Kết quả*
9.1*	Staphylococcal Enterotoxins	/25g	ISO 19020:2017	KPH

Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2022

TUQ.VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA
ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

VIEN KIEM NGHIEM AN TOAN VE SINH THUC PHAM QUOC GIA

TS. Lê Thị Phương Thảo

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request
4. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.

BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)
Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thận Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, Q2, TP. HCM, Việt Nam
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đông Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số: 38050/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: Sản phẩm dinh dưỡng Friso Gold Pro 4 dành cho trẻ từ 3 – 6 tuổi
   Code: 131223 108M6B8
2. Mã số mẫu: 10229620/DV.2
3. Mô tả mẫu: Mẫu đóng trong bao bì kín. Số lượng: 1
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
6. Ngày nhận mẫu: 31/10/2022
7. Thời gian thử nghiệm: 31/10/2022 - 14/11/2022
8. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY TNHH FRIESLANDCAMPINA VIỆT NAM
   Địa chỉ: Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
9. Kết quả thử nghiệm: Chỉ tiêu Hóa lý

STT	*Tên chỉ tiêu*	*Đơn vị*	*Phương pháp thử*	*Kết quả*
9.1*	Hàm lượng DEHP	mg/kg	NIFC.04.M.061 (GC-MS)	KPH (LOD: 0,03)

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2022

TUQ.VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA
ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA

TS. Lê Thị Phương Thảo

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request
4. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.

BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)
Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thận Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, Q2, TP. HCM, Việt Nam
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đông Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số: 38051/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: Sản phẩm dinh dưỡng Friso Gold Pro 4 dành cho trẻ từ 3 – 6 tuổi
   Code: 131223 108M6B8
2. Mã số mẫu: 10229620/DV.2
3. Mô tả mẫu: Mẫu đóng trong bao bì kín. Số lượng: 1
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
6. Ngày nhận mẫu: 31/10/2022
7. Thời gian thử nghiệm: 31/10/2022 - 14/11/2022
8. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY TNHH FRIESLANDCAMPINA VIỆT NAM
   Địa chỉ: Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
9. Kết quả thử nghiệm: Chỉ tiêu Vi sinh vật

STT	*Tên chỉ tiêu*	*Đơn vị*	*Phương pháp thử*	*Kết quả*
9.1	*Bifidobacterium lactis*	CFU/100g	NIFC.06.M.201	$2,2 \times 10^9$

Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2022
TUQ.VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA
ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA

TS. Lê Thị Phương Thảo

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request
4. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.

BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)
Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thận Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, Q2, TP. HCM, Việt Nam
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đông Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số: 37400/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TEST REPORT

Phiếu này thay thế phiếu kết quả kiểm nghiệm số: 31302/PKN-VKNQG ngày 06 tháng 10 năm 2022

1. Tên mẫu: Sản phẩm dinh dưỡng Friso Gold Pro 4 dành cho trẻ từ 3-6 tuổi
   Code: 180823
   CBTC: 0012/FCV/2020
2. Mã số mẫu: 09228442/DV.1
3. Mô tả mẫu: Mẫu đóng trong bao bì kín 800 gam.
   Số lượng: 1. NSX: Không có - HSD: Không có
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
6. Ngày nhận mẫu: 28/09/2022
7. Thời gian thử nghiệm: 28/09/2022 - 06/10/2022
8. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY TNHH FRIESLANDCAMPINA VIỆT NAM
   Địa chỉ: Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa,
   Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
9. Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý

STT	*Tên chỉ tiêu*	*Đơn vị*	*Phương pháp thử*	*Kết quả*
9.1*	Hàm lượng 2'-Fucosyllactose (2'-FL)	mg/100g	NIFC.05.M.207 (HPLC)	239
9.2*	Hàm lượng Nucleotides (CMP, UMP, GMP, IMP, AMP)	mg/100g	NIFC.05.M.164 (HPLC)	23,0
9.3*	Hàm lượng Galacto-oligosaccharides (GOS)	g/100g	NIFC.05.M.050 (HPAEC-PAD)	1,95

Ghi chú: Đổi tên mẫu theo yêu cầu của khách hàng

Hà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 2022

TUQ.VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA
ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA

TS. Lê Thị Phương Thảo

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request
4. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.